

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi các Luật số: 31/2024/QH15, 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi các Luật số: 43/2024/QH15, 47/2024/QH15, 58/2024/QH15, 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi các Nghị định số: 91/2024/NĐ-CP, 183/2025/NĐ-CP, 227/2025/NĐ-CP, 42/2026/NĐ-CP và số 42/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa được sửa đổi, bổ sung bởi các Nghị định số: 226/2025/NĐ-CP và 33/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi các Nghị định số: 05/2025/NĐ-CP và 48/2026/NĐ-CP;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số: 102/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; 151/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; 226/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; 49/2026/NĐ-CP quy định chi

tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 84/TTr-SNNMT ngày 31 tháng 5 năm 2026 và Báo cáo số 686/BC-SNNMT ngày 31 tháng 5 năm 2026; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 323/BC-STP ngày 31 tháng 5 năm 2026 và ý kiến thống nhất của các Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước có liên quan đến việc giải quyết thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi các Luật số: 43/2024/QH15, 47/2024/QH15, 58/2024/QH15, 146/2025/QH15 và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

1. Chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp thì phải thực hiện các quy định của pháp luật về đất đai và phải nộp một khoản tiền theo quy định của pháp luật để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa, trừ dự án sử dụng vốn đầu tư công hoặc vốn nhà nước ngoài đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 182 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi các Luật số: 43/2024/QH15, 47/2024/QH15, 58/2024/QH15, 146/2025/QH15.

2. Chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác mà trên đất có rừng tự nhiên; rừng trồng đủ tiêu chí thành rừng; diện tích đất đất lâm nghiệp sau khai thác trồng rừng trồng chưa trồng lại rừng và diện tích đất đã trồng rừng hoặc diện tích đất lâm nghiệp có rừng trồng chưa đủ tiêu chí thành rừng thì phải có phương án trồng rừng thay

thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc văn bản hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

3. Có đánh giá sơ bộ tác động môi trường hoặc đánh giá tác động môi trường đối với các dự án phải thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 31 tháng 5 năm 2026.

2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 34/2025/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Quy định tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Kon Tum Quy định tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quyết định này.

b) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu; các tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện Quyết định này.

c) Tổng hợp, báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý, giải quyết các vướng mắc (nếu có) trong quá trình thực hiện.

2. Các sở, ban, ngành có liên quan: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường cho ý kiến các nội dung liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của sở, ban, ngành khi có đề nghị.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu

a) Tổ chức thực hiện Quyết định này theo thẩm quyền.

b) Thực hiện quản lý, sử dụng đất đai tại địa phương theo đúng quy định pháp luật đất đai, pháp luật xây dựng, pháp luật đầu tư, pháp luật quy hoạch và các quy định pháp luật liên quan.

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác đối với diện tích, loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất; sự phù hợp quy hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu cấp thẩm quyền phê duyệt và các quy hoạch khác có liên quan.

4. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan: Khi chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi phải đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định của pháp luật đất đai, pháp luật trồng trọt; nghĩa vụ về trồng rừng thay thế, nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật lâm nghiệp và có hồ sơ về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh cần sửa đổi, bổ sung, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- VP UBND tỉnh: PCVP, các PCVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.NLTA.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Tâm Hiền